

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**





## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt kèm theo, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2019, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ tóm tắt cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các chỉ số tài chính quan trọng được trích từ báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ này tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ lập ngày 22 tháng 8 năm 2019. Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ này và báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kết quả công tác soát xét nói trên.

Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật đối với các báo cáo tài chính**

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt theo các tiêu thức quy định bởi pháp luật.

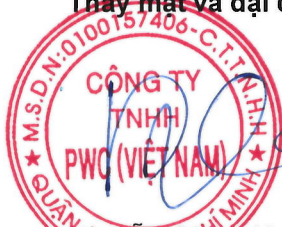
### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và theo các yêu cầu có liên quan của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt đính kèm – được trích từ báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng đã được soát xét – không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ đã được soát xét, phù hợp với tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8597  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2019

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

		<b>Tại ngày 30.06.2019 Triệu đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2018 Triệu đồng</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt</b>	<b>435.958</b>	<b>391.775</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>9.751.083</b>	<b>11.521.295</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>50.903.953</b>	<b>33.532.737</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	50.233.953	33.452.737
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	670.000	80.000
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>17.190</b>	<b>8.578</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>42.934.307</b>	<b>44.111.305</b>
1	Cho vay khách hàng	43.568.705	44.703.632
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(634.398)	(592.327)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.735.705</b>	<b>9.338.557</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	7.735.705	9.338.557
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	-
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>96.685</b>	<b>85.809</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	93.751	82.261
a	Nguyên giá	206.725	186.819
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(112.974)	(104.558)
3	Tài sản cố định vô hình	2.934	3.548
a	Nguyên giá	6.019	6.019
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(3.085)	(2.471)
<b>XII</b>	<b>Tài sản có khác</b>	<b>1.098.937</b>	<b>1.742.588</b>
1	Các khoản phải thu	387.607	720.083
2	Các khoản lãi, phí phải thu	481.603	718.117
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.544	134.824
4	Tài sản có khác	205.183	169.564
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>	<b>112.973.818</b>	<b>100.732.644</b>

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT (TIẾP THEO)**

		Tại ngày 30.06.2019 Triệu đồng	Tại ngày 31.12.2018 Triệu đồng
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>142.160</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>1.751.044</b>	<b>1.984.091</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.632.151	1.904.776
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	118.893	79.315
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>96.589.131</b>	<b>85.072.414</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>2.712.934</b>	<b>1.532.882</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	66.682	70.355
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.646.252	1.462.527
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>101.195.269</b>	<b>88.589.387</b>
<b>VIII</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.778.549</b>	<b>12.143.257</b>
1	Vốn của tổ chức tín dụng	7.528.000	7.528.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	2.169.066	2.169.066
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.081.483	2.446.191
	<b>TỔNG VỐN</b>	<b>11.778.549</b>	<b>12.143.257</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>112.973.818</b>	<b>100.732.644</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>I</b>	<b>NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN</b>	<b>15.424.840</b>	<b>17.311.987</b>
2	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	7.597.343	9.961.190
3	Bảo lãnh khác	7.827.497	7.350.797
<b>II</b>	<b>CÁC CAM KẾT ĐƯA RA</b>	<b>91.492.413</b>	<b>77.881.062</b>
1	Cam kết giao dịch hối đoái	86.762.514	74.897.364
	Cam kết mua ngoại tệ	42.809.654	37.423.664
	Cam kết bán ngoại tệ	42.777.790	37.414.417
	Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.175.070	59.283
2	Cam kết cho vay không hủy ngang	4.729.899	2.983.698

Hà Lê Thảo Vy  
Kiểm soát Tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc  
Giám đốc Tài chính và  
Kế toán trưởng



Kevin Green  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 22 tháng 8 năm 2019



**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

		<b>Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
		<b>30.06.2019</b>	<b>30.06.2018</b>
		<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.118.217	1.712.487
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(251.666)	(121.511)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>1.866.551</b>	<b>1.590.976</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	611.119	532.808
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(117.851)	(115.868)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>493.268</b>	<b>416.940</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>325.798</b>	<b>346.880</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7.862</b>	<b>8.607</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>37.671</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	47.418	29.523
6	Chi phí hoạt động khác	(9.808)	(10.406)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>37.610</b>	<b>19.117</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(1.079.022)</b>	<b>(968.243)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>1.652.067</b>	<b>1.451.948</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(51.963)</b>	<b>(36.763)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.600.104</b>	<b>1.415.185</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(214.347)	(184.800)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(110.280)	(100.345)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(324.627)</b>	<b>(285.145)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.275.477</b>	<b>1.130.040</b>

Hà Lê Thảo Vy  
Kiểm soát Tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc  
Giám đốc Tài chính và  
Kế toán trưởng



Kevin Green  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 22 tháng 8 năm 2019

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT  
(Phương pháp trực tiếp)**

		<b>Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
		<b>30.06.2019</b>	<b>30.06.2018</b>
		<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.341.855	1.894.695
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(255.339)	(133.569)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	480.275	403.429
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	333.660	358.990
05	Thu nhập/(chi phí) khác	15.207	(3.516)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	22.514	22.247
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.463.578)	(1.252.580)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(369.154)	(269.860)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG</b>		<b>1.105.440</b>	<b>1.019.836</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(590.000)	572.044
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	1.574.307	(697.036)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(8.612)	(28.916)
12	Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng	1.134.927	(1.740.609)
13	Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(9.885)	(12.126)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	628.269	99.487
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15	Tăng các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng nhà nước	142.160	-
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(233.047)	359.204
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	11.516.717	19.610.097
21	(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(181.144)	16.607
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>15.079.132</b>	<b>19.198.588</b>

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT (TIẾP THEO)**  
(Phương pháp trực tiếp)

		<b>Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
		<b>30.06.2019</b>	<b>30.06.2018</b>
		<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(23.953)	(6.330)
02	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	8	387
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(23.945)</b>	<b>(5.943)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
04	Lợi nhuận đã chia	-	(756.089)
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>-</b>	<b>(756.089)</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>15.055.187</b>	<b>18.436.556</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>45.365.807</b>	<b>35.450.720</b>
<b>VII</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>60.420.994</b>	<b>53.887.276</b>



Hà Lê Thảo Vy  
Kiểm soát Tài chính

  
Nguyễn Thị Thanh Trúc  
Giám đốc Tài chính và  
Kế toán trưởng  
Kevin Green  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 22 tháng 8 năm 2019

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT**

**IV. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn của TCTD Triệu đồng</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu đồng</b>	<b>Tổng cộng Triệu đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.528.000	633.391	1.165.399	1.860.137	<b>11.186.927</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.468.507	<b>2.468.507</b>
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(1.512.177)	<b>(1.512.177)</b>
Trích lập các quỹ	-	123.425	246.851	(370.276)	<b>-</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.528.000	756.816	1.412.250	2.446.191	<b>12.143.257</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.275.477	<b>1.275.477</b>
Phân phối cổ tức (**)	-	-	-	(1.640.185)	<b>(1.640.185)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7.528.000	756.816	1.412.250	2.081.483	<b>11.778.549</b>

(\*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2017 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 và được chi trả vào ngày 4 tháng 6 năm 2018 và ngày 28 tháng 8 năm 2018.

(\*\*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2018 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 3 tháng 6 năm 2019.



